TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHƯỚC LONG** **TỈNH BẠC LIÊU**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 28 – 9 – 2020
V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHƯỚC LONG – TỈNH BẠC LIÊU

- T phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Yến Ly**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Danh Hưởng**

2. Ông **Phan Văn Chiếu**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Ngân** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long, tỉnh Bạc Liêu *tham gia phiên tòa:* Bà **Lý Thị Nhiên** – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 9 năm 2020, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phước Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 214/2020/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn và nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 143/2020/QĐST-HNGĐ ngày 25 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Phan Thị Bé H,** sinh năm 1984; Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu . *(Vắng mặt)*

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Việt T,** sinh năm 1980; Địa chỉ: ấp N, thị trấn P, huyện P, tỉnh Bạc Liêu. *(Vắng mặt)*

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 7 năm 2020, lời khai có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Phan Thị Bé H trình bày:*

Về hôn nhân: Chị và và anh T có tổ chức đám cưới và tự nguyện sống chung từ năm 2003, chị nhớ vợ chồng chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn P nhưng hiện nay chị đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Vợ chồng chị đã ly thân từ tháng 11/2018 đến nay do sống chung không hạnh phúc. Nay chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Chị và anh T có 01 người con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 27/5/2004, hiện đang sống với chị. Chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Bị đơn anh Nguyễn Việt T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không lấy được lời khai.*

** Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phước Long phát biểu ý kiến:*

- Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử đúng theo quy định pháp luật tố tụng dân sự; Đối với nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng, bị đơn chưa chấp hành quy định tại khoản 15, 16 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án:

+ Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận chị H và anh T là vợ chồng.

+ Về con chung: Căn cứ khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, giao cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 27/5/2004 cho chị H được tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con.

+ Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không đặt ra xem xét giải quyết.

+ Về án phí: Chị H phải chịu 300.000 đồng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thẩm quyền và thủ tục tố tụng: Chị H khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh T, anh T đang cư trú trên địa bàn huyện P nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án nhân dân huyện Phước Long thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền. Anh T đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt, chị H và anh T có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử giải quyết vắng mặt chị H và anh T là phù hợp theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về hôn nhân: Xét thấy mặc dù chị H nhớ là vợ chồng chị H có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Phước Long và chị H đã làm mất giấy chứng nhận kết hôn. Tuy nhiên, theo Công văn số 40/UBND ngày 09/9/2020 của Ủy ban nhân dân thị trấn P thì trường hợp của chị Phan Thị Bé H và anh Nguyễn Việt T không có lưu trong sổ hộ tịch đăng ký kết hôn của Ủy ban nhân dân thị trấn P. Như vậy, hôn nhân giữa chị H và anh T là không hợp pháp, không làm phát sinh quyền,

nghĩa vụ giữa vợ chồng. Nay chị H yêu cầu ly hôn, căn cứ theo khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử có đủ căn cứ để tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng chị H và anh T.

[4] Về con chung: Căn cứ theo tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và lời khai của chị H thì chị H và anh T có một người con chung là Nguyễn Gia H1, sinh ngày 27/5/2004, hiện đang sống với chị H. Anh T đã được Tòa án thông báo về việc yêu cầu nuôi con chung của chị H nhưng anh T không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị H. Xét thấy, cháu H1 sống cùng với chị H từ khi ly thân đến nay, hiện cháu H1 phát triển tốt, chị H có đủ điều kiện nuôi con chung. Đồng thời, tại biên bản lấy ý kiến ngày 13/8/2020 cháu H1 có nguyện vọng sống cùng với chị H. Do đó căn cứ vào khoản 2 Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để bảo đảm quyền lợi về mọi mặt của cháu H1, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị H: Giao cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 27/5/2004 cho chị H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[5] Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[6] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[7] Từ những nhận định trên, xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[8] Về án phí: Chị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định. Anh T không phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban tH vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Phan Thị Bé H và anh Nguyễn Việt T.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Gia H1, sinh ngày 27/5/2004 cho chị Phan Thị Bé H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Anh Nguyễn Việt T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về cấp dưỡng: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

4. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Chị Phan Thị Bé H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn không có giá ngạch là 300.000 đồng. Chị H đã dự nộp số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0009501 ngày 28/7/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phước Long nên được chuyển sang thu án phí.

Anh Nguyễn Việt T không phải chịu án phí.

6. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Đối với đương sự không có mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện Phước Long;
- Chi cục THADS huyện Phước Long;
- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Yến Ly